



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRUNG TÂM XÚC TIẾN
ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH

CẨM NANG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
**HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
GIỮA VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC**



VKFTA

Cẩm nang

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - HÀN QUỐC (VKFTA)

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Nguyễn Gia Phương

Trịnh Minh Anh

TỔ CHỨC BIÊN SOẠN VÀ TỔ CHỨC BẢN THẢO

Nguyễn Thị Mai Anh

Lâm Thị Quỳnh Anh

BIÊN SOẠN

Phòng Hội nhập Kinh tế Quốc tế trong nước
(Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập
quốc tế về kinh tế - Bộ Công Thương)

Phòng Thông tin - Truyền thông (HPA)

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 12 năm 1992. Trải qua gần 1/4 thế kỷ, quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã có những bước phát triển vượt bậc. Quan hệ hai nước từ đối tác bình thường trở thành “đối tác toàn diện trong thế kỷ 21” vào năm 2001 và trở thành “đối tác hợp tác chiến lược” vào năm 2009. Đến nay, Hàn Quốc là đối tác lớn của Việt Nam trên nhiều lĩnh vực: Đứng thứ nhất về đầu tư, đứng thứ hai về viện trợ ODA và đứng thứ 3 về thương mại.

Năm 2006, Việt Nam và Hàn Quốc đã ký Hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ ASEAN - Hàn Quốc. Ngày 05/5/2016, nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế, hai bên đã đàm phán và tiến tới ký kết Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA). VKFTA mang tính toàn diện, có mức độ cam kết cao và đảm bảo cân bằng lợi ích giữa hai bên. Hiệp định sẽ tăng khả năng xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam như hàng nông thủy sản, công nghiệp chế biến, dệt may, da giày,... VKFTA được coi là động lực thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch,...

Nhằm cung cấp các thông tin cơ bản và toàn diện về VKFTA cũng như thị trường Hàn Quốc, giúp các doanh nghiệp có thể tận dụng tốt hơn các cơ hội và khai thác hiệu quả lợi ích từ cam kết của hiệp định, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội đã phối hợp Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế biên soạn cuốn **CẨM NANG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ: HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - HÀN QUỐC.**

Trân trọng giới thiệu đến quý độc giả./.

NGUYỄN GIA PHƯƠNG

Giám đốc Trung tâm Xúc tiến
Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ tiếng Anh	Tiếng Việt
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
AKFTA	ASEAN - Korea Free Trade Area	Khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc
CIF	Cost, Insurance and Freight	CIF: Thuật ngữ trong Thương mại quốc tế
C/O	Certificate of origin	Giấy chứng thực xuất xứ hàng hóa
FOB	Free On Board	FOB: Thuật ngữ trong Thương mại quốc tế
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại Tự do
MFN	Most Favoured Nation	Ưu đãi tối huệ quốc
ROO	Rules of Origin	Quy tắc xuất xứ
SPS	Sanitary and Phytosanitary	Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật

Ký hiệu viết tắt	Từ tiếng Anh	Tiếng Việt
PE	Goods produced entirely in the territory of the exporting Party exclusively from originating materials	Hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu chỉ từ những nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam và Hàn Quốc
PR	Performance Requirements	Các yêu cầu về hoạt động
TBT	Technical Barriers to Trade	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
VKFTA	Vietnam Korea Free Trade Agreement	Hiệp định Thương mại tự do song phương Việt Nam - Hàn Quốc
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

PHẦN I
**TỔNG QUAN
VỀ HÀN QUỐC**





Câu 1. Xin cho biết đôi nét về thị trường Hàn Quốc?

Đại Hàn Dân Quốc với tên thường gọi là Hàn Quốc là một quốc gia nằm ở vùng Đông Bắc Châu Á, phía Bắc giáp với Triều Tiên, ba phía còn lại được bao bọc bởi biển, nằm rải rác dọc theo bờ biển còn có trên 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ khác nhau. Hàn Quốc có diện tích 93.392 km², với 70% diện tích là núi non và có nhiều sông hồ. Hàn Quốc là một thị trường tiềm năng với 50,4 triệu người tiêu dùng.

Hàn Quốc có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong những thập kỷ qua, đặc biệt từ khi Hàn Quốc đề ra kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế từ năm 1962 với tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 1962-1992 đạt 9%/năm. Hiện nay, Hàn Quốc là nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Châu Á và đứng thứ 13 trên thế giới. Hàn Quốc là cường quốc thương mại lớn thứ 14 thế giới với tổng kim ngạch trên 1.786 tỷ USD, là nước xuất khẩu lớn thứ 6 thế giới (628 tỷ USD), nhập khẩu đạt 536,6 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 27.970 USD.

Hàn Quốc rất phát triển với các ngành công nghiệp như: Điện tử, dệt, hóa dầu, thép, ô tô và đóng tàu. Sản



phẩm nông nghiệp chủ yếu gồm gạo, lúa mạch, lúa mì, khoai và rau với 21% diện tích đất trồng trọt. Hiện nay, Hàn Quốc đang đẩy mạnh phát triển các ngành công nghệ cao (hạt nhân, điện tử, tin học, sinh học, vật liệu mới, năng lượng mới, công nghệ xanh - sạch,...) và đi đầu thực hiện mô hình mới về tăng trưởng qua chiến lược phát triển xanh.

Chính phủ Hàn Quốc có chiến lược kinh tế hướng về xuất khẩu, coi trọng công nghệ trong chính sách công nghiệp. Ngay từ khi bắt đầu tiến hành cải cách kinh tế, Hàn Quốc đã chú ý tới xuất khẩu. Xuất khẩu luôn khẳng định vị thế là động lực tăng trưởng bền vững của kinh tế Hàn Quốc. Trong vòng 5 năm trở lại đây, xuất khẩu có kim ngạch cao hơn nhập khẩu nhưng tỷ lệ tăng trưởng tương đương nhau. Hàn Quốc xuất khẩu số lượng lớn chất bán dẫn, thiết bị viễn thông không dây, xe có động cơ, máy tính, thép, tàu biển, hóa dầu,... sang thị trường Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... Mặt khác, Hàn Quốc cũng là nước nhập khẩu máy móc, điện và thiết bị điện, dầu, thép, thiết bị vận tải, hóa chất hữu cơ, chất dẻo,... từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ả Rập, Úc,...

Câu 2. Tổng quan về chính sách thương mại, đầu tư của Hàn Quốc?

1. Về chính sách thương mại: Hàn Quốc đưa ra chính sách thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như điện tử, điện lạnh, rô bốt, ô tô,... cụ thể:



- Thực hiện chính sách đa dạng hóa thị trường thông qua việc tăng cường hoạt động của các tổ chức xúc tiến thương mại và đầu tư, đồng thời hỗ trợ các công ty Hàn Quốc tham gia vào các hội trợ triển lãm ở nước ngoài.

- Thực hiện chính sách tự do hóa tài chính thông qua việc thả nổi lãi suất và giảm bớt các biện pháp kiểm soát của chính phủ đối với các hoạt động tín dụng nhằm tạo điều kiện cho các công ty Hàn Quốc tìm kiếm nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ của người lao động.

- Thực hiện tự do hóa thương mại như việc cắt giảm thuế quan nhập khẩu, đơn giản hóa thủ tục hải quan, giảm bớt danh mục các hàng hóa quản lý bằng giấy phép nhằm tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu; ưu đãi, miễn giảm thuế nhập khẩu các nguyên liệu phục vụ đầu vào cho sản xuất.

2. Về chính sách đầu tư: Hàn Quốc thực hiện chính sách tự do hóa đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty Hàn Quốc đầu tư ra nước ngoài thông qua các biện pháp:

- Mở rộng vai trò hoạt động của các tổ chức xúc tiến thương mại và đầu tư nhằm hỗ trợ tích cực các công ty Hàn Quốc đầu tư ra nước ngoài thông qua việc cung cấp thông tin về thị trường đầu tư, đặc biệt là những nước chưa có quan hệ ngoại giao.



- Chính phủ ủy quyền phê chuẩn cấp giấy phép đầu tư cho ngân hàng Hàn Quốc thực hiện với các dự án có quy mô nhỏ hơn 100.000 USD.
- Thành lập Ủy ban hợp tác đầu tư song phương và Hiệp hội các nhà đầu tư Hàn Quốc nhằm hỗ trợ cho các công ty Hàn Quốc mở rộng đầu tư ra nước ngoài; hàng năm tổ chức diễn đàn gặp mặt giữa Ủy ban, Hiệp hội của các nhà đầu tư ở thị trường nước ngoài để đánh giá, nắm bắt và giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.



Câu 3. Quan hệ ngoại giao, hợp tác với các đối tác lớn của Hàn Quốc?

Hàn Quốc có quan hệ ngoại giao với 186 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Hàn Quốc là thành viên của Liên Hợp Quốc (tháng 9/1991), tham gia Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD năm 1996), và là thành viên của WTO, ASEM, APEC... Hàn Quốc thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Hàn Quốc coi trọng quan hệ với các nước đồng minh (Mỹ, Nhật Bản...) và cũng coi trọng quan hệ với các đối tác lớn như Trung Quốc, Nga, khối ASEAN...

- Với Hoa Kỳ: Là quan hệ đồng minh thân cận nhất của Hàn Quốc. Năm 1954, ký Hiệp ước An ninh chung Hàn Quốc - Hoa Kỳ. Hiện nay, Hoa Kỳ luôn duy trì trên 25 nghìn quân đóng tại Hàn Quốc để duy trì bảo vệ hòa bình khu vực và thế giới.

- Với Nhật Bản: Hai nước bình thường hóa quan hệ vào năm 1965; Nhật Bản là bạn hàng và đối tác kinh tế đứng thứ 3 của Hàn Quốc. Hai bên nhất trí phát triển quan hệ trong khuôn khổ “hợp tác hướng tới tương lai”.

- Với Trung Quốc: Thiết lập quan hệ ngoại giao tháng 8/1992. Hiện nay, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Hàn Quốc. Hàn Quốc coi trọng vai trò của Trung Quốc đối với khu vực, đặc biệt là trong việc giải quyết vấn đề Bán đảo Triều Tiên.

- Với Liên bang Nga: Hàn Quốc và Liên bang Nga thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1991. Hai bên tăng cường

phát triển quan hệ “đối tác toàn diện tin cậy lẫn nhau”, đã ký thỏa thuận mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực quan trọng như dầu khí, hàng không, vũ trụ, quân sự...

- Với ASEAN: Hàn Quốc coi trọng quan hệ với tổ chức ASEAN và các nước Đông Nam Á, hoạt động tích cực trong khuôn khổ cơ chế ASEAN+1, ASEAN+3, Diễn đàn An ninh khu vực (ARF) và Cấp cao Đông Á. Hai bên đã ký Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc vào năm 2006 để thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc.





Câu 4. Tình hình tham gia các FTA của Hàn Quốc?

Là một nền kinh tế hướng tới xuất khẩu, nhưng việc khởi động đàm phán ký kết các FTA của Hàn Quốc với các đối tác thương mại được coi là muộn so với các quốc gia khác. Năm 2004, khi trên thế giới có khoảng 140 FTA, thì Hàn Quốc mới có duy nhất 1 FTA với Chile (có hiệu lực từ ngày 01/4/2004). Trong giai đoạn này, Chính phủ Hàn Quốc chưa đặt vấn đề đàm phán FTA vì cho rằng tác động tiêu cực đến nền sản xuất công nghiệp trong nước. Khi Hiệp định FTA giữa Hàn Quốc - Chile đi vào hiệu lực đã chứng minh cả hai bên đều thu được nhiều lợi ích từ FTA. Sau đó, Hàn Quốc đã nhanh chóng triển khai đàm phán các FTA với các đối tác chiến lược xung quanh các nền kinh tế, trung tâm kinh tế lớn và các quốc gia giàu tài nguyên nhằm ổn định thị trường xuất khẩu. Đến nay, Hàn Quốc đã ký kết 15 FTA; trong đó 12 FTA đã có hiệu lực với 49 quốc gia và vùng lãnh thổ và đang đàm phán 11 FTA với các đối tác khác.

PHẦN II

**QUAN HỆ KINH TẾ,
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
GIỮA VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC**





Câu 5. Quan hệ ngoại giao, chính trị giữa Việt Nam với Hàn Quốc?

Các triều đại phong kiến giữa Việt Nam và Hàn Quốc chưa từng có quan hệ giao bang chính thức¹. Xưa kia, các nhà ngoại giao hai nước mới chỉ giao lưu gặp gỡ, xướng họa với nhau tại Trung Hoa. Từ thế kỷ 13, khi Nhà Trần lên thay Nhà Lý, hoàng tử Lý Long Tường đã sang định cư tại Hàn Quốc và có nhiều công trạng, được phong tướng. Hậu duệ của tướng quân Lý Long Tường hiện nay sống ở cả Triều Tiên và Hàn Quốc, riêng ở Hàn Quốc có khoảng hơn 200 hộ với trên 600 người. Gia phả dòng họ ghi chép 32 đời kể từ đời Lý Thái Tổ, trong đó 6 đời ở Việt Nam và 26 đời ở Hàn Quốc. Ngoài ra, còn có Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi từng được vua Trần Anh Tông cử đi sứ sang nhà Nguyên, trong thời gian này ông gặp được một vị chánh sứ của Cao Ly và trở thành đôi bạn tâm giao, nhiều lần cùng nhau xướng họa thơ văn. Trạng nguyên được mời sang thăm kinh đô Hán Thành của Cao Ly. Ở đây, Trạng nguyên đã cưới người cháu gái của vị sứ thần Cao Ly và sinh được một trai, một gái. Con trai Mạc Đĩnh Chi trở thành thủy tổ của họ Mạc ở Cao Ly.

Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 22/12/1992. Trải qua gần ¼ thế kỷ, quan hệ hai nước đã có những bước phát triển vượt bậc. Từ quan hệ đối tác bình thường trở thành quan hệ “đối tác toàn diện trong thế kỷ 21” vào năm 2001 và là “đối tác hợp tác chiến lược” vào năm 2009. Hàng năm, hai bên

¹ Mỗi bang giao Đại Việt - Cao Ly thời phong kiến.



đều có những đoàn tiếp xúc song phương các cấp nhằm thúc đẩy quan hệ và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Hai bên đã thành lập nhiều tổ chức, cơ quan đại diện tại nước sở tại. Tháng 9/1994, Việt Nam thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc. Năm 2001, Hàn Quốc thành lập Hội Giao lưu Hữu nghị Hàn Quốc - Việt Nam. Tháng 5/1993, Hàn Quốc thành lập Hội Nghị sỹ hữu nghị Hàn Quốc - Việt Nam. Tháng 5/1995, Việt Nam thành lập Hội nghị sỹ hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc. Hai bên cũng tăng cường hợp tác song phương trong các tổ chức đa phương quốc tế như trong khuôn khổ ASEAN+3, APEC, ASEM, WTO và Liên hiệp quốc.

Ngày nay, công dân hai bên đã có sự giao thoa, tìm hiểu lẫn nhau. Hơn 50 nghìn cặp công dân hai nước chọn nhau là người bạn đời; hơn 100 nghìn người dân của hai nước đang cư trú tại mỗi nước và trên 3.000 doanh nghiệp Hàn Quốc cùng khoảng 500 nghìn lao động Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại mỗi bên. Ở Việt Nam có 13 trường Đại



học có Khoa tiếng Hàn với trên 2.500 lượt học sinh đang theo học và có khoảng 5.000 học sinh, sinh viên đang học tập và làm việc tại Hàn Quốc. Việt Nam đã miễn thị thực 15 ngày cho công dân Hàn Quốc vì mục đích du lịch. Hiện có 6/7 hãng hàng không dân dụng Hàn Quốc đã mở đường bay đến Việt Nam. Năm 2016, ước sẽ có khoảng 1,5 triệu lượt du khách Hàn Quốc đến Việt Nam và có khoảng 240 nghìn lượt khách Việt Nam sang Hàn Quốc thăm quan, du lịch tìm hiểu văn hóa lẫn nhau².

Câu 6. Nguồn vốn ODA của Hàn Quốc dành cho Việt Nam như thế nào?

Việt Nam là nước nhận viện trợ ODA lớn nhất của Hàn Quốc và Hàn Quốc là nhà tài trợ nguồn vốn ODA lớn thứ

² Số liệu năm 2015.

hai tại Việt Nam (sau Nhật Bản). Việt Nam được Hàn Quốc chọn là 1 trong 26 nước thuộc “Đối tác chiến lược hợp tác ODA” vào năm 2011, và được coi là nước trọng tâm và hình mẫu cung cấp ODA với 3 trọng tâm: Tăng trưởng xanh, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Viện trợ của Hàn Quốc dành cho Việt Nam gồm 2 nguồn chính là viện trợ không hoàn lại và vốn vay ODA. Hiện nay, Chính phủ Hàn Quốc đang xây dựng Chiến lược đối tác phát triển (CPS) với Việt Nam cho thời kỳ tới nhằm hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu về hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020.

Nguồn vốn ODA của Hàn Quốc dành cho Việt Nam tăng nhanh không chỉ về số lượng (tăng 250 lần kể từ năm 1992) mà còn về chất lượng và đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tính bình quân, hàng năm Hàn Quốc dành khoảng 300 triệu USD nguồn vốn ODA cho Việt Nam. Từ năm 1992 đến hết năm 2015, Chính phủ Hàn Quốc đã ký hiệp định cho vay hoặc cam kết cung cấp tín dụng cho Việt Nam với gần 60 dự án, trị giá khoảng 2,8 tỷ USD. Hiện nay, Hàn Quốc đang có 34 dự án đầu tư tại Việt Nam, với tổng vốn cam kết 1,7 tỷ USD được triển khai thực hiện và giải ngân hơn 0,9 tỷ USD.

Hàn Quốc có kế hoạch cung cấp cho Việt Nam vay 1,5 tỷ USD vốn ODA giai đoạn 2016 - 2020; trong đó khoảng 0,9 tỷ USD sẽ dành cho hợp tác tài chính. Những lĩnh vực



ưu tiên gồm: Hạ tầng quy mô lớn, đường sắt, y tế, công nghệ thông tin.

Câu 7. Quan hệ đầu tư giữa Hàn Quốc và Việt Nam?

Về tình hình đầu tư của Việt Nam sang Hàn Quốc: Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài, Việt Nam hiện đang có 19 dự án đầu tư sang Hàn Quốc, với tổng số vốn đầu tư là 14,4 triệu USD. Các dự án trên đều có quy mô nhỏ, chủ yếu trên lĩnh vực dịch vụ, thương mại (nguồn vốn đầu tư trung bình khoảng 758 nghìn USD/dự án).

Về tình hình đầu tư của Hàn Quốc sang Việt Nam: Trong những năm qua, các doanh nghiệp Hàn Quốc đã rất quan tâm và đầu tư nhiều dự án tại Việt Nam. Việt Nam đã thành lập Bộ phận hỗ trợ doanh nghiệp Hàn Quốc (Korea Desk) vào tháng 11/2014. Kết quả là Hàn Quốc đã vượt Nhật Bản trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam và Việt Nam là đối tác đầu tư ra nước ngoài lớn thứ 4 của Hàn Quốc (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hồng Kông).

Tính đến tháng 8/2016, Hàn Quốc có khoảng 5.500 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 50 tỷ USD. Quy mô trung bình mỗi dự án FDI của Hàn Quốc là 9 triệu USD, bằng 67% quy mô trung bình các dự án FDI tại Việt Nam (do có nhiều dự án nhỏ trong lĩnh vực dịch vụ). Doanh nghiệp FDI Hàn Quốc là thành phần quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, sử dụng khoảng 700 nghìn lao động và đóng góp khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. FDI của Hàn Quốc chủ yếu thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (84% tổng vốn đăng ký); Xây dựng; Kinh doanh bất động sản,... trong đó đầu tư vào lĩnh

vực công nghiệp chế biến, chế tạo có xu hướng tăng mạnh từ năm 2009, từ mức 60% giai đoạn trước lên mức trên 80% hiện nay.

Cùng với sự tham gia của các Tập đoàn công nghiệp lớn của Hàn Quốc như Samsung, LG, Doosan, Kumho, Posco, Lotte, GS, Hyosung và các công ty vệ tinh, các dự án FDI từ Hàn Quốc thời gian qua có xu hướng tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và đầu tư theo hình thức 100% vốn FDI. Trong đó, doanh nghiệp có gốc Hàn Quốc là đối tác đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế tạo sản phẩm điện tử lớn nhất tại Việt Nam với tổng giá trị lũy kế đạt trên 21 tỷ USD thông qua hơn 150 dự án, chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc và thành phố Hồ Chí Minh.

Trong 8 tháng năm 2016, Hàn Quốc tiếp tục là đối tác FDI lớn nhất của Việt Nam với 789 dự án đầu tư đăng ký cấp mới và tăng vốn (517 dự án cấp mới và 272 dự án tăng vốn) với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 4,8 tỷ USD, chiếm 33% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Hà Nội là địa phương đứng thứ hai trên cả nước thu hút nhiều vốn FDI từ Hàn Quốc nhất trong 8 tháng đầu năm 2016.

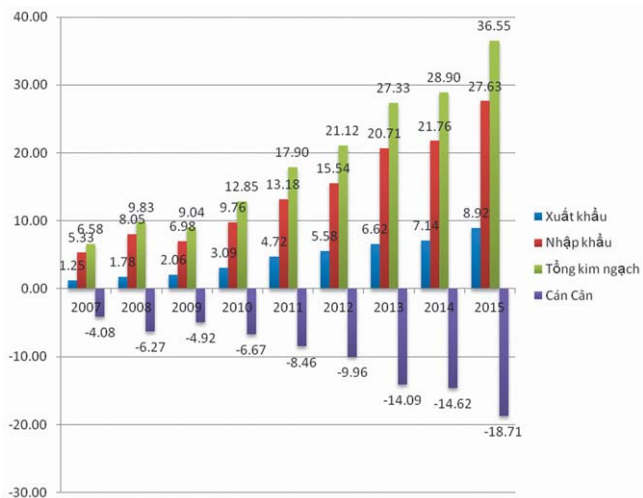
Câu 8. Thực trạng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc?

Quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc tăng trưởng đáng kể trong 2 thập kỷ qua. Thương mại hai chiều từ mức 0,5 tỷ USD năm 1992 đã tăng 73 lần, đạt mức 36,55 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 10 năm trở lại đây đạt trên 23%. Từ năm 2011 đến nay, Hàn Quốc đã chính thức vượt qua Nhật Bản và



trở thành thị trường lớn thứ 2 trên thế giới cung cấp hàng hóa sang thị trường Việt Nam (chỉ xếp sau Trung Quốc). Hàn Quốc là thị trường hàng hóa xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam. Xét về tổng kim ngạch thì Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 trên tổng số 200 đối tác thương mại với Việt Nam.

Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2007 - 2015



Đơn vị: Tỷ USD³

³ Nguồn: Tổng cục Hải quan.

Theo biểu đồ trên cho thấy, cán cân thanh toán của Việt Nam với Hàn Quốc liên tục bị thâm hụt và có xu hướng ngày càng tăng, năm 2007 Việt Nam nhập siêu -4,08 tỷ USD thì đến năm 2015 đã tăng gấp hơn 4 lần đạt mức (-18,71) tỷ USD.

Câu 9. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và Hàn Quốc như thế nào?

Đặc điểm nổi bật trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc là cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu có tính bổ sung rõ nét, cơ bản không cạnh tranh trực tiếp. Tuy nhiên, Việt Nam luôn chịu áp lực nhập siêu từ Hàn Quốc, mặc dù tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc luôn cao hơn tăng trưởng nhập khẩu.

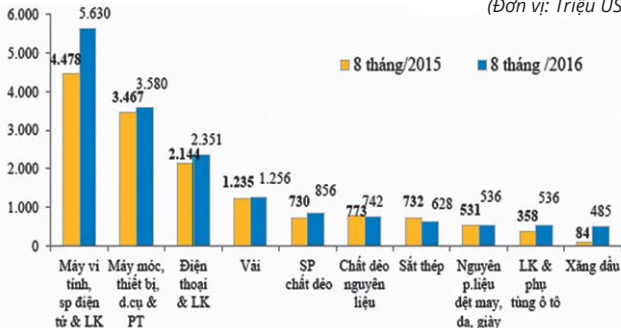
Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Hàn Quốc trong những năm qua: Máy vi tính, sản phẩm điện tử, máy móc thiết bị phụ tùng, vải, điện thoại, xăng dầu, nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may da giày, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, xăng dầu các loại, sắt thép các loại, ô tô nguyên chiếc các loại, linh kiện và phụ tùng ô tô, chất dẻo nguyên liệu,...

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hàn Quốc trong những năm qua là: Dệt may, dầu thô, phương tiện vận tải và phụ tùng, hàng thủy sản, gỗ và các sản phẩm gỗ...



Kim ngạch nhập khẩu 10 nhóm hàng chính của Việt Nam nhập từ Hàn quốc 8 tháng đầu năm 2016

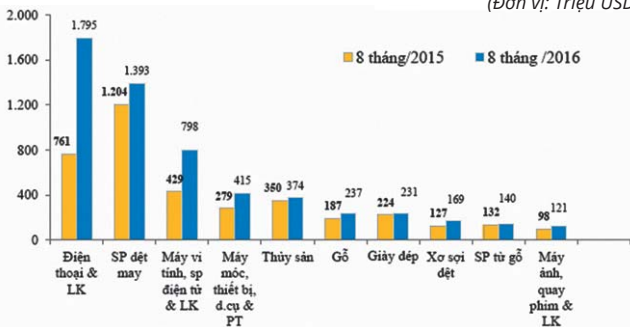
(Đơn vị: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất khẩu 10 nhóm mặt hàng chính của Việt Nam sang Hàn Quốc 8 tháng đầu năm 2016

(Đơn vị: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

PHẦN III

**TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO
VIỆT NAM - HÀN QUỐC**





Câu 10. Tiến trình đàm phán VKFTA như thế nào?

Tháng 10/2009, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung Park đã ra Tuyên bố chung, trong đó “Hai bên nhất trí trong năm 2009 sẽ bắt đầu trao đổi ý kiến về việc thành lập Nhóm Công tác chung để nghiên cứu khả năng thúc đẩy và tính khả thi của “Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc” nhằm mở rộng hợp tác kinh tế thương mại đầu tư.

Tháng 3/2010, hai nước đã thành lập Nhóm Công tác chung về FTA Việt Nam - Hàn Quốc với mục đích thực hiện các nghiên cứu chung về tính khả thi của việc ký kết một hiệp định FTA song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Sau hơn một năm tích cực nghiên cứu, Nhóm Công tác chung đã hoàn thành bản Báo cáo trình lên Lãnh đạo Cấp cao hai nước.

Tháng 3/2012, hai Bên đã khẳng định: “Nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế cùng có lợi, hai Bên sẽ tuyên bố khởi động đàm phán Hiệp định Thương mại tự do FTA song phương sau khi hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết tại mỗi nước”.

Ngày 06/8/2012, hai Bên đã cùng tuyên bố chính thức khởi động đàm phán VKFTA.

Ngày 10/12/2014, tại Busan (Hàn Quốc), Bộ trưởng phụ trách Thương mại hai bên đã ký Biên bản thỏa thuận về kết thúc đàm phán VKFTA.

Ngày 28/3/2015, toàn bộ nội dung VKFTA đã được rà soát và ký tắt ở cấp Trưởng đoàn đàm phán tại Seoul, Hàn Quốc.

Ngày 05/5/2015, tại Hà Nội, hai Bên đã chính thức ký VKFTA.



Câu 11. Kết quả đàm phán VKFTA như thế nào?

Chính thức khởi động tại Hà Nội vào ngày 06/8/2012, sau hơn 2 năm đàm phán với 8 vòng đàm phán chính thức và 8 vòng đàm phán cấp Trưởng đoàn, đàm phán giữa kỳ, hai Bên đã thống nhất toàn bộ nội dung VKFTA. Hiệp định gồm: Thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ (bao gồm các Phụ lục về dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, di chuyển thể nhân), đầu tư, sở hữu trí tuệ, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa hải quan, phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại điện tử, cạnh tranh, hợp tác kinh tế, thể chế và pháp lý.

VKFTA là một hiệp định phù hợp với các quy tắc của WTO, mang tính toàn diện, mức độ cam kết cao và bảo



đảm cân bằng lợi ích đôi bên, có sự cân nhắc phù hợp đến những lĩnh vực nhạy cảm của mỗi nước và sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai quốc gia. VKFTA đã có nhiều cải thiện ưu đãi hơn so với Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) đối với hai bên về thương mại, hàng hóa, đầu tư và dịch vụ...

Phía Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới quan trọng đối với các nhóm hàng nông, thủy sản chủ lực như: Tôm, cá, hoa quả nhiệt đới và hàng công nghiệp như dệt, may, sản phẩm cơ khí. Hàn Quốc cũng cam kết dành thêm cơ hội thị trường cho các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư của Việt Nam và nhất trí tăng cường hợp tác kinh tế, dành hỗ trợ kỹ thuật toàn diện trong nhiều lĩnh vực. Hàn Quốc lần đầu tiên mở cửa thị



trường cho những sản phẩm nhạy cảm cao như: Tỏi, gừng, mật ong, tằm,... tạo cơ hội cạnh tranh đáng kể cho Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh khác trong khu vực.

Phía Việt Nam dành ưu đãi cho Hàn Quốc với các nhóm hàng công nghiệp như nguyên phụ liệu dệt, may, nguyên liệu nhựa, linh kiện điện tử, xe tải và xe con từ 2.500cc trở lên, phụ tùng ô tô, điện gia dụng, sản phẩm sắt thép, dây cáp điện.

Câu 12. Cam kết cắt giảm thuế quan hàng hóa thương mại trong VKFTA?

Về cơ bản, các cam kết thuế quan trong VKFTA được xây dựng trên nền các cam kết thuế quan trong AKFTA, nhưng với mức độ tự do hóa cao hơn. Hàn Quốc tự do hóa 96,48% giá trị nhập khẩu từ Việt Nam, ngược lại Việt Nam tự do hóa 92,75% tổng giá trị nhập khẩu từ Hàn Quốc tính vào năm 2012. Xét về số dòng thuế, Hàn Quốc tự do hóa 95,43% số dòng thuế, Việt Nam cam kết với 89,75% số dòng thuế. Có thể thấy, VKFTA sẽ cắt giảm thêm một số dòng thuế mà trong AKFTA chưa được cắt giảm hoặc mức độ cắt giảm còn hạn chế. Cụ thể, trong VKFTA:

Hàn Quốc xóa bỏ thêm cho Việt Nam 506 dòng thuế (chiếm 4,14% biểu thuế và tương đương với 5,5% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012)⁴.

Việt Nam xóa bỏ thêm cho Hàn Quốc 265 dòng thuế (chiếm 2,2% biểu thuế và tương đương với 5,91% tổng

⁴ Biểu thuế và lộ trình của Hàn Quốc chi tiết tại: <http://hoinhapkinhte.gov.vn/Uploads/documents/vankienhd/vkfta/Bieu%20thue%20HQ%20tieng%20Viet.PDF>



kim ngạch nhập khẩu vào từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012)⁵.

Vì vậy, tổng hợp cả các cam kết trong VKFTA và AKFTA thì:

- Hàn Quốc xóa bỏ cho Việt Nam 11.679 dòng thuế (chiếm 95,44% biểu thuế và tương đương với 97,22% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012).
- Việt Nam xóa bỏ cho Hàn Quốc 8.521 dòng thuế (chiếm 89,15% biểu thuế và tương đương 92,72% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012).

Câu 13. Cam kết về các quy định và nghĩa vụ chung trong thương mại dịch vụ của VKFTA là gì?

Hai bên cam kết về các quy định và nghĩa vụ chung nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của mỗi Bên khi tiếp cận thị trường dịch vụ của Bên kia. Mỗi Bên sẽ dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của Bên kia các quyền lợi cơ bản là:

Đối xử quốc gia (NT): Hai Bên cam kết dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của Bên kia các đối xử không kém thuận lợi hơn các đối xử dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của mình trong các lĩnh vực có cam kết.

Đối xử Tối huệ quốc (MFN): Nếu sau khi VKFTA có hiệu

⁵ Biểu thuế và lộ trình thuế quan của Việt Nam chi tiết tại: <http://hoinhapkinhte.gov.vn/Uploads/documents/vankienhd/vkfta/Bieu%20thue%20VN%20tieng%20Viet.PDF>

lực mà một Bên trong Hiệp định (Việt Nam hoặc Hàn Quốc) ký các thỏa thuận với một Bên thứ 3 mà trong đó dành các đối xử ưu đãi hơn cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên thứ 3 đó, thì một Bên có thể yêu cầu tham vấn với Bên kia để xem xét khả năng gia tăng các đối xử ưu đãi trong VKFTA không kém thuận lợi hơn so với các đối xử ưu đãi trong thỏa thuận với Bên thứ 3 đó, trừ trường hợp các đối xử ưu đãi này là theo các hiệp định đã có với một Bên thứ 3 hoặc hiệp định giữa các thành viên ASEAN.

Câu 14. Cam kết về dịch vụ trong VKFTA được đàm phán như thế nào⁶?

Chương Dịch vụ trong VKFTA vẫn được đàm phán theo cách tiếp cận Chọn - Cho tương tự như trong WTO, tức là mỗi Bên sẽ có một Danh mục các lĩnh vực cam kết, trong đó liệt kê các lĩnh vực mở cửa và mức độ mở cửa, các lĩnh vực nào không được liệt kê là không có cam kết và Bên đó có quyền tùy ý quy định.

Đối với các lĩnh vực có cam kết, tùy vào nội dung cam kết cụ thể, mỗi Bên sẽ không ban hành hoặc duy trì các biện pháp ảnh hưởng đến các nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia như: Hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ; hạn chế về giá trị giao dịch; hạn chế về tổng số hoạt động hoặc đầu ra; hạn chế về tổng số nhân lực tuyển dụng; hạn chế về loại hình doanh nghiệp....

⁶ Biểu cam kết về dịch vụ của Hiệp định chi tiết tại: <http://hoinhapkinhte.gov.vn/Uploads/documents/vankienhd/vkfta/Cam%20ket%20dich%20vu%20tieng%20Viet.PDF>



Câu 15. So sánh về độ mở cửa thị trường dịch vụ trong VKFTA với AKFTA?

So với các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam và Hàn Quốc trong WTO và AKFTA thì trong VKFTA, hai Bên cam kết rộng hơn, sâu hơn:

Việt Nam mở cửa hơn cho Hàn Quốc trong 02 phân ngành:

- + Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị;
- + Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác không kèm người điều khiển.

Hàn Quốc mở cửa hơn cho Việt Nam trong 05 phân ngành:

- + Dịch vụ pháp lý;
- + Dịch vụ chuyển phát;
- + Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa đường sắt;
- + Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ vận tải đường sắt;
- + Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên.

Câu 16. Những nghĩa vụ cơ bản trong cam kết đầu tư của VKFTA?

Mỗi Bên cam kết sẽ đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và khoản đầu tư của các nhà đầu tư của Bên kia thông qua 4 nghĩa vụ cơ bản sau:

Đối xử quốc gia (NT): Mỗi Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư và các khoản đầu tư được bảo hộ của Bên kia sự đối xử



không kém thuận lợi hơn sự đối xử của Bên đó dành cho các nhà đầu tư và khoản đầu tư của bên mình.

Đối xử tối huệ quốc (MFN): Mỗi bên sẽ dành cho các nhà đầu tư và các khoản đầu tư được bảo hộ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử của Bên đó dành cho các nhà đầu tư và các khoản đầu tư của bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp sự đối xử đó là theo các hiệp định đã có với bên thứ ba hoặc hiệp định giữa các thành viên ASEAN.

Các yêu cầu về hoạt động (PR): Các Bên cam kết không áp dụng một số biện pháp ảnh hưởng đến các nhà đầu tư của Bên kia như các yêu cầu: Nhà đầu tư phải đạt một tỷ lệ hàm lượng nội địa nhất định; ưu tiên mua hàng nội địa; ràng buộc tỷ lệ nhập khẩu với xuất khẩu; hạn chế việc bán

hàng trên lãnh thổ của nước đó; xuất khẩu hàng đạt một tỷ lệ nhất định; chuyển giao công nghệ, quy trình, bí quyết sản xuất cho chủ thể của Bên kia....

Nhân sự quản lý cao cấp (SMBD): Các Bên cam kết không đặt ra các yêu cầu về quốc tịch đối với nhân sự quản lý cao cấp trong Doanh nghiệp đầu tư của Bên kia, nhưng có thể yêu cầu đa số thành viên Hội đồng quản trị phải mang một quốc tịch nhất định, hoặc phải cư trú trên lãnh thổ của Bên nhận đầu tư nhưng không được làm ảnh hưởng đáng kể tới khả năng kiểm soát khoản đầu tư của nhà đầu tư.

Câu 17. Đánh giá sự phù hợp cam kết về đầu tư của Việt Nam trong VKFTA so với pháp luật hiện hành?

Các cam kết của Việt Nam về đầu tư trong VKFTA hoàn toàn phù hợp với Hiến pháp và các quy định hiện hành về đầu tư của pháp luật Việt Nam. Việc thực hiện các cam kết



về đầu tư không đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Nội dung của cam kết cũng hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc quy định các điều ước quốc tế và tương thích với các cam kết quốc tế khác về đầu tư mà ta tham gia.

Câu 18. Khi nào hàng hóa được hưởng ưu đãi của VKFTA?

Theo quy định tại VKFTA, hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ tại một Bên (Việt Nam hoặc Hàn Quốc) nếu đáp ứng được một trong các điều kiện sau thì được hưởng ưu đãi của VKFTA:

- Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Bên xuất khẩu như được định nghĩa tại Điều 3.2 của Chương Quy tắc xuất xứ;
- Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Bên xuất khẩu nhưng đáp ứng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ được quy định cụ thể trong Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng (Phụ lục 3-A) hoặc Phụ lục về các hàng hóa đặc biệt (Phụ lục 3-B), hoặc
- Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Bên xuất khẩu và chỉ từ các nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam hoặc Hàn Quốc.

Câu 19. Trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng được tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã HS có được hưởng mức thuế quan ưu đãi của VKFTA không?

Có, nếu hàng hóa đó đáp ứng được tiêu chí sau:

- Đối với các hàng hóa không thuộc các Chương từ 50 đến 63 trong Hệ thống Hải hòa (HS), trị giá của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa;



- Đối với các hàng hóa thuộc các Chương từ 50 đến 63 trong Hệ thống Hải hòa (HS), trọng lượng của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% tổng trọng lượng hàng hóa, hoặc giá trị của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không được vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa.

Câu 20. Xin cho biết cách tính hàm lượng giá trị khu vực (RVC) trong VKFTA để được hưởng ưu đãi?

Có 02 cách tính RVC trong VKFTA, đó là cách tính trực tiếp và cách tính gián tiếp. Chúng ta cần đối xem cách tính nào có lợi hơn thì sử dụng theo cách đó.

- Cách tính trực tiếp được tính theo công thức:

$$RVC = VOM/FOB \times 100\%.$$

Trong đó, VOM là trị giá của các nguyên liệu có xuất xứ (bao gồm trị giá của chi phí nguyên liệu có xuất xứ, chi phí lao động, chi phí sản xuất chung, lợi nhuận và các chi phí khác).

- Cách tính gián tiếp được tính theo công thức:

$$RVC = (FOB - VNM)/FOB \times 100\%$$

Trong đó, VNM là trị giá nguyên liệu không có xuất xứ.

Câu 21. Hàng hóa được sản xuất tại lãnh thổ Triều Tiên có được hưởng ưu đãi thuế theo VKFTA không?

Tất cả hàng hóa sản xuất tại Triều Tiên không được hưởng và được tính để hưởng ưu đãi theo VKFTA, ngoại trừ 100 hàng hóa đặc biệt (danh mục các hàng hóa này có

thể được sửa đổi nếu 2 bên đồng ý) được sản xuất tại Khu Công nghiệp Khai Thành hay còn gọi là hàng hóa GIC được tái nhập khẩu về Hàn Quốc rồi xuất khẩu sang Việt Nam nhưng phải đáp ứng một số điều kiện sau:

- Thuộc các mặt hàng có ký hiệu GIC tại cột “GIC” của Biểu thuế được ban hành kèm theo Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16/12/2015 của Bộ Tài chính;
- Được nhập khẩu và vận chuyển trực tiếp từ Hàn Quốc vào Việt Nam;
- Đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ tại Hiệp định;
- Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa VK (viết tắt là C/O KV) in dòng chữ “Article3.5” tại ô số 8 do cơ quan Hải quan Hàn Quốc cấp.

Câu 22. So sánh Quy tắc xuất xứ giữa AKFTA và VKFTA?

VKFTA và AKFTA là hai Hiệp định hoàn toàn riêng biệt. Tuy nhiên, Việt Nam và Hàn Quốc đều là thành viên của cả hai Hiệp định này và thị trường mà Việt Nam nhắm tới trong cả hai Hiệp định đều là thị trường Hàn Quốc. Các cam kết thuế quan trong VKFTA được xây dựng trên nền các cam kết thuế quan trong AKFTA, nhưng với mức độ tự do hóa cao hơn. VKFTA sẽ cắt giảm thêm một số dòng thuế mà trong AKFTA chưa được cắt giảm hoặc mức độ cắt giảm còn hạn chế. Cùng với đó, Quy tắc xuất xứ cũng như một số quy định khác trong 2 Hiệp định ít nhiều sẽ có sự khác biệt.



Những điểm khác biệt về Quy tắc xuất xứ trong AKFTA và VKFTA

Quy định về ROO	AKFTA	VKFTA
Form C/O	Các nước Asean và Hàn Quốc đều cấp 1 mẫu C/O AK.	- Việt Nam cấp mẫu VK - Hàn Quốc cấp mẫu KV
Cấp C/O	VN cấp C/O giấy, Hàn Quốc cấp C/O với con dấu và chữ ký điện tử	C/O có thể được cấp theo cách truyền thống tại các Tổ chức cấp C/O của cơ quan Chính phủ hoặc được ký, đóng dấu và in điện tử.
Thời gian lưu trữ hồ sơ	03 năm kể từ ngày cấp C/O.	05 năm kể từ ngày cấp C/O.
Thời hạn xác minh C/O	6 tháng	10 tháng
Tổ chức cấp C/O	Cập nhật danh sách, tên, địa chỉ, mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký C/O và mẫu con dấu chính thức của Tổ chức cấp C/O.	Cập nhật danh sách tên và mẫu con dấu của Tổ chức cấp C/O.
Miễn nộp C/O	Giá trị hàng hóa không quá 200 USD.	Giá trị hàng hóa không quá 600 USD.
Tiêu chí xuất xứ	- Thuần thụy (WO)	- Thuần thụy (WO)
	- Non-WO: gồm tiêu chí chung (CTH hoặc Hàm lượng giá trị khu vực RVC 40%) và PSR (chỉ gần 500 dòng thuế)	- Non-WO: không có tiêu chí chung, PSR (Chương 01-97) hơn 5000 dòng thuế.
	- Không có PE	- Có PE (điểm c, khoản 1, Điều 3.1 Chương quy tắc xuất xứ)

Cộng gộp Hàm lượng khu vực	Cộng gộp Hàn Quốc và 10 nước ASEAN	Cộng gộp Hàn Quốc và Việt Nam
Hạt điều đã bóc vỏ	WO-AK	CTSH (công đoạn đơn giản “Bóc vỏ đơn giản, trích hạt, hoặc làm tróc hạt không áp dụng cho 0801.32)
Cà phê đã rang (0901.21, 0901.22)	RVC 45%	CTSH
Dệt may (Chương 50-63)		- PSR tương đương AKFTA
Deminimis đối với hàng dệt may.	Trọng lượng của nguyên liệu không có xuất xứ $\leq 10\%$ tổng trọng lượng hàng hóa.	- Trọng lượng của nguyên liệu không có xuất xứ $\leq 10\%$ tổng trọng lượng hàng hóa hoặc; - Trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ $\leq 10\%$ trị giá FOB của hàng hóa.
Thông tư hướng dẫn	Số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 của Bộ Công Thương.	- Số 40/2015/TT-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16/12/2015 của Bộ Tài chính.

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương



Trong đó:

“PE” hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của nước thành viên xuất khẩu chỉ từ những nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam và Hàn Quốc.

“RVC” là hàm lượng giá trị khu vực của hàng hóa.

“WO” là hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên.

“CTH” là chuyển đổi từ bất kỳ nhóm nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Điều này có nghĩa tất cả nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 04 số (chuyển đổi Nhóm).

“CTSH” là chuyển đổi từ bất kỳ phân nhóm nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Điều này có nghĩa tất cả nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã HS ở cấp 06 số (chuyển đổi Phân nhóm).

PHẦN IV
**TÁC ĐỘNG CỦA VKFTA
ĐỐI VỚI VIỆT NAM**





Câu 23. Cơ hội của Việt Nam do VKFTA mang lại?

Hiệp định sẽ mang lại những tác động tích cực về nhiều mặt đối với kinh tế Việt Nam, giúp hoàn thiện hơn nữa môi trường kinh doanh, phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội một cách hiệu quả hơn, từ đó thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ được hưởng nhiều cơ hội thị trường mới nhờ các cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ của phía Hàn Quốc. Môi trường pháp lý minh bạch, thông thoáng sẽ góp phần khuyến khích đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam, kèm theo công nghệ cao, trình độ quản lý tiên tiến và cơ hội tiếp cận các thị trường thứ ba.

- Hàn Quốc hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực xây dựng, thực thi chính sách, nâng cao sức cạnh tranh trong



những lĩnh vực mà Hàn Quốc có thế mạnh và Việt Nam có nhu cầu hợp tác như: Nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, công nghiệp điện tử, lọc hóa dầu, công nghiệp hỗ trợ.

- Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới đối với các nhóm hàng nông, thủy sản chủ lực như tôm, cá, hoa quả nhiệt đới và hàng công nghiệp như dệt, may, sản phẩm cơ khí. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng cam kết dành thêm cơ hội thị trường cho các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư của Việt Nam và nhất là tăng cường hợp tác kinh tế, hỗ trợ kỹ thuật toàn diện trong nhiều lĩnh vực.

- Thông qua giảm thuế, Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận hàng hóa giá rẻ, đặc biệt là các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ những ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày dép, điện tử... giúp giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ các nguồn khác. Qua đó hỗ trợ cải cách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng giá trị gia tăng cao.

- Hàn Quốc cam kết sẽ giúp đỡ Việt Nam phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, ngành Việt Nam hiện nay đang còn yếu. Thêm vào đó, sẽ thúc đẩy các dự án năng lượng, đặc biệt là năng lượng dầu khí.

- Hiệp định giúp cho môi trường đầu tư của Việt Nam minh bạch hơn, thu hút nhiều hơn nữa các nhà đầu tư Hàn Quốc cũng như các quốc gia khác vào Việt Nam. Trong hiệp định này, nhiều tiêu chuẩn được đưa ra nhằm tăng cường bảo vệ quyền của nhà đầu tư và cải thiện môi trường đầu



tư hơn AKFTA, hiệp định bảo lãnh đầu tư Hàn Quốc - Việt Nam. Bên cạnh đó, hiệp định giới thiệu cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư.

- Hiệp định VKFTA dự báo cũng sẽ đem lại những lợi ích xã hội tích cực nhờ tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động Việt Nam, nâng cao thu nhập, đặc biệt của nhóm lao động phổ thông, lao động không có tay nghề cao, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn.

Câu 24. Thách thức của VKFTA đối với Việt Nam?

- So với cam kết và chuẩn mực quốc tế thì thể chế, luật pháp của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế, cải cách doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm... Những vấn đề đó đã gây khó khăn trong nền kinh tế thị trường, khiến các nhà đầu tư khó dự đoán được các biến động, thay đổi.

- Hệ thống luật pháp, chính sách của Việt Nam đã được rà soát, xây dựng mới và từng bước được hoàn thiện nhưng nhìn chung vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ, nhất quán và ổn định... Đây chính là một trong những nguyên nhân gây bất lợi cho Việt Nam khi giải quyết các vụ tranh chấp ở phạm vi quốc tế.

- Nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, về sự tham gia các tổ chức kinh tế thương mại khu vực và toàn cầu, các FTA... còn nhiều bất cập. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, doanh nghiệp và người dân thờ ơ, thiếu chủ động trong đổi mới tư duy và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chưa xây dựng được ngành kinh tế mũi nhọn, ngành công nghiệp phụ trợ để tận dụng các cơ hội của hội nhập, trong đó có các FTA đã, đang và sẽ thực thi đặc biệt là VKFTA, TPP, EVFTA...

Câu 25. Doanh nghiệp tận dụng được cơ hội gì từ VKFTA?

- Các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước cơ hội tận dụng thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, nhất là xuất khẩu nông sản, dệt may và thủy sản vào thị trường Hàn Quốc. Bên cạnh các lợi ích xuất khẩu quan trọng, Hiệp định dự kiến cũng sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả





nhập khẩu, nhất là các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ các ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày, dép, điện tử... Từ đó, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ các nguồn khác, qua đó hỗ trợ cải cách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng giá trị gia tăng cao.

- Hàn Quốc mở cửa nhiều hơn cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, do đó các doanh nghiệp sẽ có thêm cơ hội tiếp cận thị trường này. Hàn Quốc lần đầu tiên mở cửa thị trường đối với một số sản phẩm được coi là nhạy cảm cao của nước này như: Tỏi, gừng, mật ong, khoai lang... (thuế nhập khẩu của Hàn Quốc đối với những mặt hàng này hiện rất cao từ 241-420%). Đây là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

- Thị trường Hàn Quốc tuy là một thị trường phát triển với các yêu cầu và đòi hỏi tương đối cao nhưng nhìn chung vẫn dễ tính hơn các thị trường như EU, Mỹ hay Nhật Bản. Do đó, việc tăng cường quan hệ thương mại với thị trường này là bước chuẩn bị tập dượt tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới khi tiến sâu hơn vào các thị trường khó tính hơn.

- Với khoảng 3.000 doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam và khoảng 40.000 công nhân Việt Nam đang làm việc ở Hàn Quốc. Những đóng góp tích cực của các doanh nghiệp và công nhân này đang giúp mối quan hệ thương mại song phương và đầu tư giữa hai nước đạt được kết quả ấn tượng.



Câu 26. VKFTA mang lại thách thức gì cho doanh nghiệp?

- Các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang bị đánh giá yếu trên các mặt, như: Quản trị kém, uy tín thương hiệu thấp, người tiêu dùng thường có tâm lý “sính hàng ngoại”. Bên cạnh đó, chiến lược kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp mờ nhạt, năng lực cạnh tranh thấp. Điều này sẽ đẩy các doanh nghiệp Việt Nam vào nguy cơ làm thuê, nhận gia công những mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, dẫn đến nguy cơ bị phụ thuộc, mất đi vị thế chủ động.
- Nhận thức về các FTA và năng lực hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp còn hạn chế. Việt Nam chưa có nhiều các doanh nghiệp mang tầm quốc tế và khu vực. Năng lực hội nhập và mở rộng thị trường nước ngoài còn



yếu, còn nhiều thụ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa chủ động điều chỉnh theo yêu cầu đòi hỏi của hội nhập kinh tế. Nhận thức về các FTA của các doanh nghiệp Việt Nam cũng còn rất hạn chế, sẽ là bất lợi rất lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

- Năng lực cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp còn yếu, nguy cơ mất thị trường nội địa: Khi Việt Nam ký kết các hiệp định FTA, nếu không tận dụng tốt, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ mất cơ hội chiếm lĩnh thị trường nước ngoài, mà ngay thị trường nội địa cũng khó có thể giữ vững.

- So với thị trường các nước ASEAN (hơn 600 triệu dân) hay Trung Quốc (gần 1.400 triệu dân) thì thị trường Hàn Quốc được coi là tương đối nhỏ (chỉ khoảng 50 triệu dân) trong khi đó yêu cầu về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm hay tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu cao hơn nhiều so với thị trường các nước ASEAN hay Trung Quốc, sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu.

- Với hệ thống bán lẻ đã được hình thành bài bản và các siêu thị có chuỗi phân phối tương đối ổn định, việc thâm nhập vào các kênh bán hàng của Hàn Quốc tương đối khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nếu không có chiến lược tìm hiểu thị trường, quảng bá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, bảo đảm số lượng, thời hạn giao hàng,... thì các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể thâm nhập sâu hơn vào thị trường này.



- Dự báo trong thời gian tới, hàng hóa Hàn Quốc (điện tử, điện lạnh, mỹ phẩm, thời trang) sẽ tràn ngập thị trường Việt Nam, do đó sẽ tăng sức ép cạnh tranh đối với hàng hóa của Việt Nam.

Câu 27. Tác động của VKFTA đối với một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Hàn Quốc là gì?

Trong bảng số liệu kim ngạch xuất nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2016, chúng ta thấy 10 mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu chủ lực của Việt Nam với Hàn Quốc đều tăng. Cụ thể:



- Hàng dệt may: Theo nội dung cam kết, hầu hết các mặt hàng dệt, may từ Việt Nam vào Hàn Quốc được đưa thuế suất về 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực (thay vì từ 8-13% như trước). Hàng dệt, may là nhóm hàng đứng thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Hàn Quốc, chiếm khoảng một phần tư tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này.
- Hàng thủy sản: Khi VKFTA có hiệu lực, Hàn Quốc xóa bỏ thuế cho mặt hàng tôm (thuế suất 0%) nhập khẩu từ Việt Nam nhưng chỉ áp dụng trong hạn ngạch như sau: Trong năm đầu tiên VKFTA có hiệu lực, mức hạn ngạch được áp dụng là 10.000 tấn/năm, và tăng thêm 10% qua mỗi năm và đạt mức 15.000 tấn/năm vào năm thứ 6, sau đó vẫn giữ ở mức này.



Hiện nay, ngành thủy sản Việt Nam đã có khoảng 280 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang Hàn Quốc. Một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu đã được hưởng thuế suất bằng 0% hoặc giảm mạnh theo AKFTA. Với xu hướng tăng cường sản xuất sản phẩm chế biến sẵn và giá trị gia tăng, VKFTA trong thời gian tới sẽ tạo thêm điều kiện cho thủy sản Việt Nam tăng sức cạnh tranh trên thị trường Hàn Quốc thông qua việc cắt giảm thuế suất nhập khẩu. Mặt hàng thủy sản hiện đang đứng thứ 5 trong kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang Hàn Quốc và đạt 374 triệu USD trong 8 tháng đầu năm 2016.

- Mặt hàng rau, củ quả: Việt Nam là nước đầu tiên trong khối ASEAN mà Hàn Quốc cam kết cắt giảm thuế trong mặt hàng này. Tuy nhiên, các mặt hàng rau, củ quả mà Hàn Quốc cam kết cắt giảm thường có lộ trình dài từ 10 đến 15 năm. Đây là khoảng thời gian để Việt Nam nâng cao chất lượng mặt hàng nông sản để đạt được yêu cầu của Hàn Quốc đưa ra. Sau khi VKFTA có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Hàn Quốc tăng hơn kỳ vọng đạt 37%, trong đó các mặt hàng rau, củ quả tăng 26%.

Câu 28. Tác động của VKFTA đối với hoạt động đầu tư?

Trong nhiều năm qua, Hàn Quốc là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Các cam kết mở cửa thị trường rộng hơn cho dịch vụ và đầu tư của Hàn Quốc, cũng như các cam kết bảo hộ đầu tư, đảm bảo quyền lợi cho các



nhà đầu tư theo VKFTA sẽ là động lực để tăng cường thu hút đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam. Việt Nam được coi là đối tác quan trọng hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á của Hàn Quốc, là điểm đến bổ sung cho thị trường Trung Quốc đã bị bão hòa. Việt Nam có sự ổn định về chính trị - xã hội, chi phí sản xuất còn tương đối thấp, lực lượng lao động và tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đã thiết lập được mạng lưới cung ứng ổn định cho hoạt động của các doanh nghiệp Hàn Quốc.

Nếu như trong AKFTA, Việt Nam hầu như không có cam kết gì về dịch vụ và đầu tư cao hơn so với mức cam kết của Việt Nam trong WTO thì trong VKFTA, Việt Nam có nhiều cam kết mở cửa hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư từ Hàn Quốc, đồng thời cũng cam kết mạnh hơn về cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước - nhà đầu tư nước ngoài. Điều này một mặt gây ra áp lực cạnh tranh cho các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư trong nước vốn có năng lực cạnh tranh tương đối hạn chế. Mặt khác, việc tăng cường các dự án đầu tư từ Hàn Quốc sẽ tạo ra áp lực cho các cơ quan quản lý của nhà nước trong việc quản lý đầu tư cũng như các rủi ro khi xảy ra các tranh chấp về đầu tư.

Câu 29. Một số vấn đề Doanh nghiệp Việt Nam cần quan tâm khi xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc?

- Về văn hóa kinh doanh của Hàn Quốc: Do ảnh hưởng của Nho giáo và Đạo Khổng, người Hàn Quốc rất coi trọng lễ nghĩa, trật tự trên dưới trong gia đình, xã hội. Trong gia đình, người Hàn Quốc kính trọng, lễ phép với người trên, sống có trách nhiệm với gia đình. Ngoài xã hội, người Hàn



Quốc tự nhận thức được vị trí của họ trong xã hội cũng như vị trí công việc. Người Hàn Quốc có tâm lý cộng tác làm ăn với những người họ quen biết. Do đó, khi muốn khởi nghiệp kinh doanh với đối tác Hàn Quốc, doanh nghiệp của ta sẽ thuận tiện hơn nếu có người giới thiệu là người có chức sắc, có vị trí tại Hàn Quốc.

- Về việc cân nhắc việc sử dụng mẫu C/O thích hợp để đạt được lợi ích nhất: Hiện nay, Việt Nam, và Hàn Quốc cùng là thành viên của WTO, đã ký AKFTA và VKFTA. Do đó, doanh nghiệp cần so sánh mức ưu đãi nào đem lại lợi ích lớn hơn cho doanh nghiệp thì sử dụng mẫu C/O thích hợp.

- Chủ động tìm hiểu thông tin cam kết hội nhập để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh tận dụng được cơ hội cũng



như sẵn sàng đối phó cạnh tranh; chủ động đầu tư, đổi mới trang thiết bị công nghệ, nâng cao tay nghề và năng lực của người lao động, cần chủ động tạo sự liên kết, gắn bó giữa các doanh nghiệp; có chiến lược phát triển quan hệ lâu dài với đối tác Hàn Quốc thông qua việc học hỏi các đối tác Hàn Quốc tại Việt Nam.

- Các doanh nghiệp nên liên kết với nhau và có giải pháp tham gia vào chuỗi sản xuất, mạng phân phối của các doanh nghiệp Hàn Quốc để tận dụng những thế mạnh về thị trường, thương hiệu, cách thức tổ chức, quản lý, kinh nghiệm phát triển trong cạnh tranh để vừa tận dụng cơ hội, vừa vượt qua thách thức nhanh chóng và hiệu quả. Doanh nghiệp cần rèn luyện năng lực dự báo và thích ứng cao với rủi ro và phụ thuộc lẫn nhau trong nền kinh tế toàn cầu...

Câu 30. Chính phủ hai bên có hỗ trợ gì doanh nghiệp để tận dụng VKFTA?

1. Phía Hàn Quốc:

Cơ quan Xúc tiến thương mại và đầu tư Hàn Quốc đã thành lập Trung tâm hỗ trợ VKFTA nhằm giới thiệu các nội dung liên quan tới hiệp định; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp hai nước vận dụng hiệu quả Hiệp định, thúc đẩy giao dịch thương mại và đầu tư giữa Hàn Quốc và Việt Nam. Bên cạnh đó, Trung tâm hỗ trợ VKFTA còn hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết những khó khăn, vướng mắc liên quan tới rào cản thương mại phi thuế quan, về cấp chứng nhận xuất xứ...



2. Phía Việt Nam:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Trung tâm WTO và hội nhập): Tham gia vào việc hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp nâng cao nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy vai trò chủ động và tham gia ý kiến để tận dụng tối đa những lợi thế từ WTO và từ các FTA mang lại, phòng tránh và tự bảo vệ được mình trước tác động tiêu cực có thể có từ các FTA này.

Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu, Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế): Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, cung cấp các ấn phẩm, phổ biến những thông tin của VKFTA đến các hiệp hội, ngành hàng và doanh nghiệp cũng như giới thiệu về thị trường Hàn Quốc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu Tuyên truyền Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Ban Tuyên giáo Trung ương.
2. Tóm lược “Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc”, Bộ Công Thương.
3. “Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc: Cơ hội và Thách thức”, Ông Phạm Khắc Tuyên - Trưởng phòng Đông Bắc Á, Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Công Thương.
4. “Cam kết thuế quan trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc”, Bà Đào Thu Hương - Trưởng phòng Hội nhập Kinh tế Quốc tế, Vụ tác Quốc tế, Bộ Tài chính.
5. Trích Cam kết của Việt Nam đối với một số nhóm hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài chính.
6. Trích Cam kết của Hàn Quốc đối với một số nhóm hàng xuất khẩu chủ lực và có tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam, Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Tài chính.
7. “Hồ sơ thị trường Hàn Quốc”, Ban Quan hệ quốc tế VCCI (5/2015).
8. Một số trang thông tin điện tử hữu ích tham khảo
<http://www.hpa.gov.vn>
<http://www.moit.gov.vn>
<http://hoinhapkinhte.gov.vn>
<http://www.mof.gov.vn>
<http://www.mpi.gov.vn>
<http://trungtamwto.vn>

MỤC LỤC

Lời nói đầu	1-2
Danh mục từ viết tắt	3-4
PHẦN 1. Tổng quan về Hàn Quốc (Câu 1-4)	6-12
PHẦN 2. Quan hệ kinh tế thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Hàn Quốc (Câu 5-9)	14-22
PHẦN 3. Tổng quan về Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (Câu 10-22)	24-38
PHẦN 4. Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc đối với Việt Nam (Câu 23-30)	40-53
Tài liệu tham khảo	54

Cẩm nang

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HỘI ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - HÀN QUỐC (VKFTA)

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: Nguyễn Khắc Oánh

Chế bản: Vũ Như

Trình bày bìa: Trần Trung

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: A2, 261 Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3728 1306 **Fax:** (84-4) 3728 1306

Web: nxbhongduc.vn **Email:** lienhe@nxbhongduc.vn

*Sản phẩm thuộc sở hữu của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại,
Du lịch thành phố Hà Nội. Việc sử dụng sản phẩm dưới mọi hình thức
phải ghi rõ nguồn và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành*

In 1.000 cuốn, khổ 10,5x14,8cm, tại Công ty CP in Sao Việt
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4860-2016/CXBIPH/04-111/HĐ
Số QĐ xuất bản: 271/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016
Mã số ISBN: 978-604-951-174-5

In xong và nộp lưu chiểu quý IV /2016

SÁCH KHÔNG BÁN

GIỚI THIỆU TRUNG TÂM

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Hà Nội; có chức năng tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, nông nghiệp và dịch vụ đối ngoại của Thành phố; hỗ trợ, tư vấn, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tìm kiếm cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác ở Việt Nam và nước ngoài.





CẨM NANG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC



**TRUNG TÂM XÚC TIẾN
ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 10 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84.4 3755 6868

Website: hpa.gov.vn | **Email:** hpa@hanoi.gov.vn